

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CỤM NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

ThS. Phạm Ngọc Bích, ThS. Nguyễn Mạnh Linh

Mô hình cụm ngành công nghiệp (CNCN, hay cụm liên kết công nghiệp; cụm liên kết ngành) đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh. Sự tập trung về mặt địa lý giúp các thành viên trong cụm ngành phát huy hiệu quả kinh tế theo quy mô như thị trường, công nghệ, nhân lực, các yếu tố đầu vào, các dịch vụ hỗ trợ,... Tại Việt Nam, công nghiệp điện tử có đóng góp lớn nhất vào giá trị tăng thêm và kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp. Trong nước đã hình thành các khu vực có tích tụ công nghiệp, có điều kiện để phát triển mô hình CNCN. Tuy nhiên mức độ phát triển còn khá sơ khai, hợp tác, liên kết giữa chủ thể trong cụm ngành mờ nhạt. Bài viết phân tích hiện trạng phát triển CNCN điện tử tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp trọng tâm để phát triển mô hình này.

1. Hiện trạng công nghiệp điện tử Việt Nam

Năm 2022, giá trị tăng thêm (VA) công nghiệp điện tử Việt Nam đạt 418,6 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành), cao nhất trong các ngành công nghiệp cấp 2 (theo Hệ thống ngành kinh tế) và đóng góp khoảng 13,2% VA toàn ngành công nghiệp. Giai đoạn 2016 - 2022, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 15,1%/năm, cao gấp 2,2 lần tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp (là 6,9%/năm). Chỉ số sản xuất công nghiệp ngành điện tử tăng trưởng rất nhanh, đặc biệt là trong giai đoạn 2015 - 2018. Năm 2023, sau nhiều năm liên tục tăng, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành điện tử giảm còn 99,2%. Nguyên nhân chủ yếu do lạm phát, suy giảm kinh tế, tổng cầu thế giới về các sản phẩm điện tử giảm mạnh.

Về doanh nghiệp (DN), lao động, tính đến hết 31/12/2022, số DN ngành điện tử là 2.526, thu hút 829,4 nghìn lao động. Số lao động bình quân trên mỗi DN điện tử là rất lớn, đạt 328 lao động/DN, gấp 5,2 lần mức bình quân chung của toàn ngành công nghiệp. Sản phẩm chủ yếu của ngành điện tử là các loại điện thoại di động, tivi, máy in,... Trong đó sản lượng điện thoại di động cao nhất là năm 2015, đạt 235,6 triệu chiếc, sau đó có xu hướng giảm dần, năm 2023 còn 158,9 triệu chiếc. Sản lượng điện thoại cố định cũng suy giảm. Nguyên nhân chính là do các nhà sản xuất đã tăng sản lượng sản phẩm điện thoại cao cấp, đa chức năng, giảm sản lượng các sản phẩm đơn giản, thế hệ cũ.

Về xuất khẩu, hiện nay điện tử là ngành có đóng góp lớn nhất vào kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, chiếm khoảng trên 30% tổng kim ngạch xuất khẩu. Việt Nam cũng nằm trong nhóm các quốc gia xuất khẩu hàng điện tử hàng đầu trên thế giới.¹ Giai đoạn 2015 - 2022, kim ngạch xuất khẩu ngành điện tử liên tục tăng nhưng có giảm nhẹ vào 2023 (năm 2023 đạt 117,3 tỷ USD, giảm so với 119,9 tỷ USD năm 2022 nguyên nhân do tổng cầu thế giới giảm mạnh). Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: (i) hàng điện tử, máy tính và linh kiện và (ii) điện thoại và linh kiện. Tuy có đóng góp

¹ Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 5 thế giới về xuất khẩu hàng điện tử, sau Trung Quốc; Hong Kong - Trung Quốc; Hàn Quốc và Singapore.

lớn vào giá trị xuất khẩu, nhưng xuất khẩu chủ yếu là thuộc về khu vực DN FDI, số DN nội địa tham gia xuất khẩu hầu như không có. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, DN FDI chiếm tới trên 99% giá trị xuất khẩu sản phẩm điện tử.

Bảng 1. Xuất khẩu sản phẩm điện tử

	2015	2019	2020	2021	2022	2023sb
Hàng điện tử, máy tính và linh kiện	15.607,6	36.311,3	44.581,1	50.612,8	55.526,0	57.325,1
Điện thoại và linh kiện	30.239,6	51.970,2	51.183,9	57.530,7	58.006,9	52.375,5
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	3.025,3	3.683,8	3.268,6	5.286,3	6.392,8	7.618,9

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Để phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước, kim ngạch nhập khẩu cũng liên tục tăng (nhưng có giảm vào 2023, đạt 98,9 tỷ USD so với 105,3 tỷ USD năm 2022, nguyên nhân chính là do sản xuất trong nước giảm). Trong đó kim ngạch nhập khẩu mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện đã lên gần 88,0 tỷ USD, chủ yếu là nhập khẩu các loại linh kiện, phụ tùng như mạch tích hợp, mạch in,... từ Trung Quốc, Hàn Quốc.

Bảng 2. Nhập khẩu sản phẩm điện tử

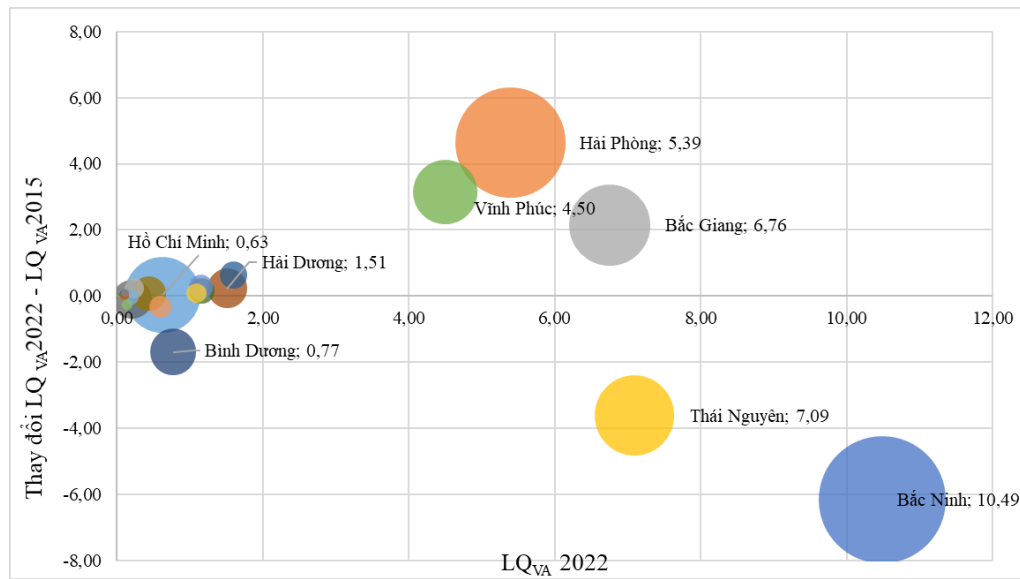
	2015	2019	2020	2021	2022	2023sb
Hàng điện tử, máy tính và linh kiện	23.211,4	63.966,6	75.558,9	75.540,1	81.866,9	87.965,2
Điện thoại và linh kiện	10.968,0	16.684,9	21.471,4	21.471,2	21.135,4	8.748,3
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	1.624,5	2.475,0	2.231,0	2.229,5	2.335,2	2.248,3

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

2. Hiện trạng cụm ngành công nghiệp điện tử

Để xác định tiềm năng hình thành CNCN, bài viết sử dụng chỉ số thương số vị trí (location quotient - LQ). LQ lượng hóa mức độ tập trung công nghiệp (về VA, lao động, doanh nghiệp, sản lượng,...) của ngành công nghiệp tại địa phương (hoặc một vùng) so với cả nước. Nếu khu vực có mức độ tập trung VA (hoặc lao động) cao hơn so với bình quân của quốc gia ($LQ_{VA} > 1$) thì đây là khu vực có tích tụ công nghiệp và có tiềm năng phát triển CNCN.

Đánh giá về LQ_{VA} ngành điện tử, có 10 tỉnh, thành phố có mức độ tích tụ VA ngành điện tử lớn hơn 1. Trong đó cao nhất là Bắc Ninh ($LQ_{VA} = 10,49$); Thái Nguyên (7,09); Bắc Giang (6,76); Hải Phòng (5,39). Đây cũng là 04 tỉnh có VA ngành điện tử cao nhất cả nước (tổng VA của 04 tỉnh này chiếm tới 67,1% VA ngành điện tử cả nước). Trong đó mức độ tích tụ VA ngành điện tử của Bắc Ninh và Thái Nguyên đều giảm mạnh so với năm 2015. Nguyên nhân là sau khi tăng trưởng mạnh do thu hút được các dự án lớn về sản xuất điện tử (chủ yếu từ tập đoàn Samsung và các công ty vệ tinh), đầu tư vào ngành điện tử tại 2 tỉnh này đã chậm lại.

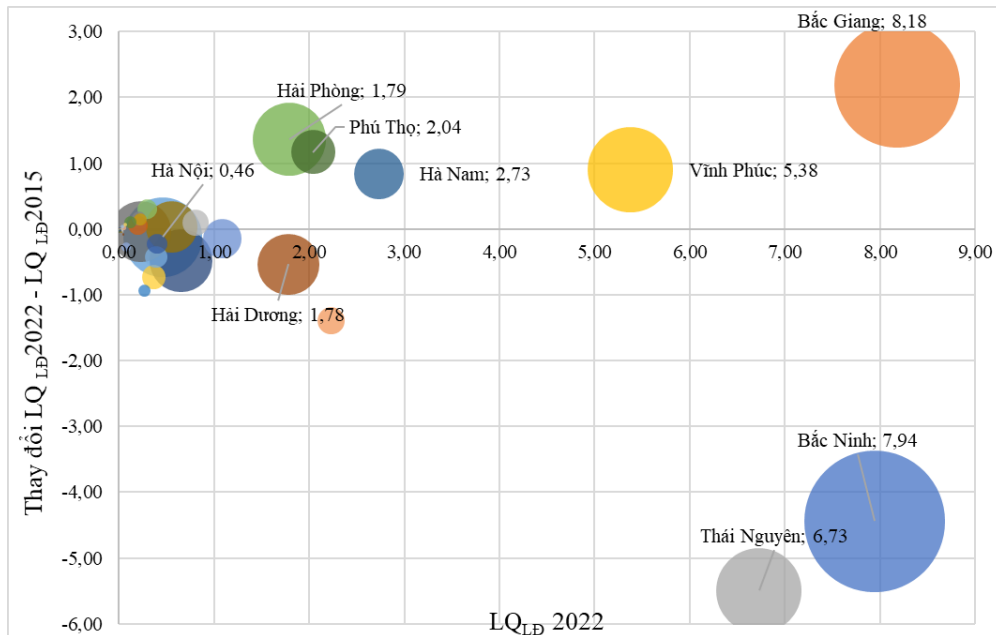


Độ lớn bong bóng: giá trị VA; đơn vị: tỷ đồng, theo giá hiện hành

Hình 1. LQ_{VA} ngành điện tử Việt Nam

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Về LQ_{LD}, có 10 tỉnh, thành phố có mức độ tích tụ lao động ngành điện tử lớn hơn 1. Trong đó cao nhất là Bắc Giang (LQ_{LD} = 8,18); Bắc Ninh (7,94); Thái Nguyên (6,73); Vĩnh Phúc (5,38). Đây cũng là 04 tỉnh có lao động ngành điện tử cao nhất cả nước (tổng lao động của 04 tỉnh này chiếm tới 58,1% số lượng lao động ngành điện tử cả nước). Tương tự như mức độ tích tụ VA, mức độ tích tụ lao động ngành điện tử của Bắc Ninh và Thái Nguyên cũng giảm so với năm 2015.



Độ lớn bong bóng: số lượng lao động, đơn vị: người

Hình 2. LQ_{LD} ngành điện tử Việt Nam

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Như vậy, có thể thấy đã hình thành khu vực tích tụ công nghiệp ngành điện tử khá rõ nét, tại các tỉnh Bắc Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc. Đây là khu vực tập trung nhiều tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực điện tử như Samsung, LG, Foxconn, Canon,... Các tập đoàn đa quốc gia và các DN vệ tinh đóng vai trò chủ đạo để hình thành cụm ngành. Tuy mức độ tích tụ công nghiệp thấp, nhưng thủ đô Hà Nội đóng vai trò là trung tâm KH&CN, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành điện tử tại khu vực. Tại miền Nam, ngành điện tử tập trung tại Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, nhưng giá trị thấp hơn rất nhiều so với các tỉnh ở khu vực phía Bắc vì vậy mức độ tích tụ công nghiệp ở mức thấp (LQ đều nhỏ hơn 1).

Tuy đã có tích tụ công nghiệp nhưng mức độ phát triển của cụm ngành, khả năng hợp tác, liên kết giữa các chủ thể tham gia CNCN điện tử còn rất hạn chế. Sự phát triển của ngành điện tử chủ yếu do đã thu hút được sự đầu tư lớn từ các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là các tập đoàn từ Hàn Quốc, Nhật Bản, ở cả lĩnh vực sản xuất sản phẩm cuối cùng và sản xuất linh kiện điện tử. Sau khi đầu tư vào Việt Nam, các tập đoàn này lôi kéo các công ty vệ tinh, các nhà cung ứng nước ngoài đầu tư theo. Số lượng các công ty Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam hiện còn rất nhỏ, thể hiện sự liên kết yếu giữa các DN nội địa với các công ty điện tử lớn, các tập đoàn đa quốc gia. Cung ứng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) cho ngành điện tử cấp 1 và cấp 2 vẫn chủ yếu là DN FDI và những DN này lại chủ yếu dựa vào nguồn linh kiện, phụ tùng nhập khẩu. Các DN trong nước cũng mới chỉ tham gia vào mạng lưới cung ứng bằng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị thấp như bao bì, vật tư tiêu hao, linh kiện đơn giản mà chưa có các linh kiện quan trọng có giá trị gia tăng cao. Trong khi đó các DN điện tử Việt Nam (sản xuất sản phẩm cuối cùng) chủ yếu gia công, lắp ráp sản phẩm dân dụng như tivi, đầu karaoke, tủ lạnh,... với hình thức nhập linh kiện, lắp ráp và cung ứng cho thị trường nội địa. Các DN lớn của Việt Nam như Tổng công ty Điện tử Tin học Việt Nam (với các công ty như Viettronics Tân Bình, Viettronics Thủ Đức, Viettronics Biên Hòa), Công ty Hanel (Hà Nội),... phát triển chậm, thương hiệu mất dần và chỉ chiếm thị phần nhỏ trong nước.

Hiện nay Samsung Việt Nam là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam, với tổng vốn đầu tư vào khoảng 22 tỷ đô la. Samsung có 6 nhà máy, 1 trung tâm Nghiên cứu & Phát triển (R&D) và 1 đơn vị bán lẻ tại Việt Nam, thu hút khoảng 170.000 lao động. Trong số này, SEV (Bắc Ninh) và SEVT (Thái Nguyên) là hai nhà máy sản xuất điện thoại di động lớn nhất của Samsung trên toàn cầu, SEHC (Thành phố Hồ Chí Minh) là nhà máy sản xuất đồ điện tử gia dụng lớn nhất Đông Nam Á và SVMC là trung tâm R&D lớn nhất của Samsung tại Đông Nam Á. Trong chiến lược phát triển của Samsung, Việt Nam đóng vai trò quan trọng là một trung tâm sản xuất toàn cầu. Điện thoại di động sản xuất tại Việt Nam chiếm hơn 50% sản lượng toàn cầu của công ty. Năm 2023, doanh thu và xuất khẩu của Samsung Việt Nam lần lượt đạt 65 tỷ đô la và 55,7 tỷ đô la. Dự kiến xuất khẩu sản phẩm sẽ tăng hơn 10% trong năm 2024. Để phát triển chuỗi cung ứng, từ năm 2015, Samsung đã hợp tác với Bộ Công Thương triển khai chương trình tư vấn cải tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các nhà cung cấp Việt Nam. Đến nay, Samsung đã tư vấn cho 379 DN Việt Nam. Bên cạnh đó, Samsung đã phối hợp với Bộ Công Thương đào tạo 406 chuyên gia tư vấn về công nghiệp hỗ trợ (trong giai đoạn 2018 - 2021); đào tạo 200 kỹ thuật viên khuôn mẫu (từ 2021 tới nay). Ngoài ra, công ty còn tổ chức sự kiện kết nối thường niên để kết nối, tạo điều kiện cho

DN Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Samsung và các công ty cung ứng cho Samsung. Với những nỗ lực kể trên, số lượng nhà cung cấp cấp 1, nhà cung cấp cấp 2, nhà cung cấp dịch vụ vật tư tiêu hao của Việt Nam trong chuỗi cung ứng của Samsung đã tăng từ 25 DN vào năm 2014 lên 306 DN vào cuối năm 2023. Trong đó, số lượng nhà cung cấp cấp 1 tăng đáng kể, từ 4 công ty năm 2014 lên 35 công ty năm 2018 và 52 công ty năm 2022. Tuy nhiên, các DN trong nước hiện chỉ có thể cung cấp các loại linh kiện đơn giản, giá trị thấp như linh kiện nhựa, linh kiện (vật tư) phi tiêu chuẩn, bao bì, in ấn và vật tư tiêu hao cho Samsung.² Trong các nhà cung cấp cấp 1 thuần Việt, chỉ có duy nhất một công ty sản xuất linh kiện điện tử là Công ty Thành Long, cung ứng bản mạch PCB. Linh kiện điện tử chủ yếu được cung cấp bởi các công ty FDI tại Việt Nam với nhiều tầng lớp cung ứng khác nhau.

Tại LG Việt Nam, tập đoàn LG đã đầu tư tại Hải Phòng và xây dựng hệ sinh thái sản xuất với khởi đầu là LG Electronics (sản xuất sản phẩm điện tử, vốn đầu tư 1,5 tỷ USD) năm 2013 và sau đó là LG Display (sản xuất màn hình LCD và OLED); LG Innotek (sản xuất linh kiện điện tử) năm 2016. Năm 2023, tập đoàn đã đầu tư thêm 1 tỷ USD để tăng cường sản xuất linh kiện điện tử và module camera điện thoại thông minh tại nhà máy LG Innotek. Nhà máy này sản xuất khoảng 390 triệu module camera hàng năm để phân phối toàn cầu. Sau khi mở rộng, năng lực sản xuất của nhà máy sẽ tăng gấp đôi. Ngoài Hải Phòng, LG cũng đã thành lập các trung tâm R&D tại Hà Nội và Đà Nẵng. Theo Sở Công Thương thành phố Hải Phòng, tập đoàn LG cùng các công ty vệ tinh đã đầu tư vào thành phố gần 10 tỷ USD, chiếm 33% tổng số vốn đầu tư của toàn thành phố, tạo ra doanh thu bình quân hàng năm 12 tỷ USD. Tuy nhiên số lượng DN nội địa tham gia vào chuỗi cung ứng của LG cũng rất hạn chế. Tính đến năm 2022, trên địa bàn thành phố Hải Phòng có 69 DN CNHT ngành điện tử thì có đến 63 DN FDI (chiếm trên 91%). Trong hệ thống cung ứng cho LG, cũng chỉ có duy nhất một DN nội địa cung ứng linh kiện điện tử. Đó là công ty TNHH 4P, cung cấp bản mạch SMT.

Khác với Samsung hay LG, Apple không có nhà máy trực tiếp sản xuất sản phẩm mà thông qua các đối tác sản xuất thiết bị gốc (OEM) tại Trung Quốc, Ấn Độ,... Kể từ sau cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung và đặc biệt là sau Covid-19, Apple có chiến lược dịch chuyển sản xuất sang Việt Nam. Vì vậy trong những năm gần đây, lần lượt Foxconn, Pegatron, Winston, rồi Goertek, Luxshare,... đã đầu tư các dự án quy mô lớn tại Việt Nam. Ban đầu chỉ là sản xuất linh kiện, sau đó là các sản phẩm như AirPods, MacBook,... Giá trị xuất khẩu các sản phẩm của Apple từ Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng, từ khoảng 20 tỷ USD vào năm 2020 lên tới 26 tỷ USD vào năm 2021 và 30 tỷ USD vào năm 2022. Tuy nhiên nhà cung cấp thuần Việt thì chưa có. Theo Danh sách các nhà cung cấp của Apple năm 2024,³ Apple có 35 nhà cung cấp có nhà máy tại Việt Nam thì tất cả đều là các công ty FDI.

Như vậy trong CNCN điện tử, sự hợp tác, liên kết sản xuất, cung ứng giữa DN nội địa và DN

² Danh sách 24 nhà cung cấp hàng đầu, chiếm 80% khối lượng giao dịch của Samsung tại Việt Nam đều là các DN FDI, đến từ Hàn Quốc; Đài Loan, Trung Quốc; Trung Quốc;....

³ Danh sách nhà cung cấp chiếm 98% chi tiêu trực tiếp của Apple cho vật liệu, sản xuất và lắp ráp sản phẩm trên toàn thế giới trong năm tài chính 2023.

FDI còn rất mờ nhạt. DN nội địa chủ yếu mới cung ứng được các sản phẩm đơn giản, giá trị thấp cho các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam. Một số nguyên nhân chính là:

- Sản xuất linh kiện điện tử là lĩnh vực công nghệ cao, phải đạt các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, môi trường, trách nhiệm xã hội,... Thêm vào đó, sản phẩm điện tử có vòng đời ngắn, liên tục thay đổi để phù hợp với công nghệ và thị hiếu tiêu dùng, vì vậy yêu cầu nhà sản xuất phải linh hoạt, có trình độ cao về công nghệ và quản lý sản xuất. Trong khi đó năng lực DN CNHT Việt Nam còn hạn chế cả về quy mô, công nghệ, nhân lực và trình độ quản lý. Mặc dù đã có một số chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực, thúc đẩy liên kết giữa các bên nhưng việc thực hiện còn rời rạc, chưa có các chương trình tổng thể mang tính tập trung và dài hạn.

- Muốn sản xuất linh kiện, phụ tùng cho các DN điện tử FDI, DN CNHT cần đầu tư lớn về công nghệ, nhân lực và nhà xưởng nhưng hiện nay việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng của Chính phủ rất khó khăn. Một cuộc khảo sát của Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI) với 23 DN sản xuất điện tử và điện tử vào năm 2022 cho thấy những thách thức chính mà các công ty điện tử trong nước phải đối mặt là thiếu vốn để đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất (95% số DN được hỏi), bao gồm đầu tư vào máy móc và thiết bị (95%), công nghệ mới (95%), tiêu chuẩn quốc tế (87%) hoặc hệ thống quản lý tiên tiến (83%). Như vậy, các công ty điện tử trong nước khó có thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng và chi phí của các khách hàng FDI tại Việt Nam và của khách hàng toàn cầu. Mặt khác, DN cần cam kết vững chắc của khách hàng mới có thể đầu tư nhưng trong nước thiếu cơ quan, tổ chức đứng ra hỗ trợ, đảm bảo cho việc hình thành liên kết, ít nhất là trong giai đoạn đầu khi các tập đoàn tiếp xúc với các DN cung ứng Việt Nam.

- Việt Nam chưa có DN điện tử nội địa quy mô lớn, có thể tạo lập và dẫn dắt chuỗi cung ứng, tạo điều kiện và thị trường cho DNNVV nội địa phát triển sản xuất. Các DN lớn trước đây như Tổng công ty Điện tử Tin học Việt Nam (với các công ty như Viettronics Tân Bình, Viettronics Thủ Đức, Viettronics Biên Hòa), Công ty Hanel (Hà Nội),... suy thoái, thương hiệu mất dần và chỉ chiếm thị phần rất nhỏ. Việc sản xuất cũng chủ yếu được thực hiện thông qua việc lắp ráp các linh kiện nhập khẩu từ Trung Quốc. Hoạt động xây dựng thương hiệu, nghiên cứu, phát triển cũng rất hạn chế. Vì vậy, sự hợp tác giữa DN điện tử Việt Nam, DN CNHT và các Viện nghiên cứu, trường đại học cũng rất mờ nhạt.

3. Giải pháp phát triển cụm ngành công nghiệp điện tử

Để phát triển mô hình CNCN điện tử nói riêng và mô hình CNCN nói chung, xin đề xuất một số giải pháp trọng tâm như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách xây dựng, vận hành CNCN. Đây là giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển mô hình cụm ngành tại Việt Nam. Cơ chế, chính sách phát triển CNCN cần một cách tiếp cận đồng bộ và toàn diện, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương. Trong đó quy định khái niệm cụ thể về CNCN, phạm vi và các đối tượng tham gia CNCN, quy chế quản lý và phân cấp quản lý trong CNCN. Đồng thời phối hợp, thực thi đồng bộ các chính

sách hỗ trợ như: chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách hỗ trợ tài chính, chính sách về KH&CN, phát triển nguồn nhân lực,...

Thứ hai, nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư từ các tập đoàn, DN lớn để dẫn dắt và hình thành các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị tại các cụm ngành. Có chính sách ưu đãi cho các DN tham gia vào mô hình CNCN chuyên môn hóa tại các khu vực cụ thể so với các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp truyền thống nhằm tăng cường tích tụ công nghiệp dựa trên lợi thế của vùng, địa phương.

Thứ ba, xây dựng, triển khai chương trình thí điểm phát triển các CNCN. Trong Chương trình này, việc lựa chọn các ngành và khu vực để phát triển CNCN là hết sức quan trọng. Xác định cụm ngành cần dựa vào tiềm năng, lợi thế của vùng và các điều kiện để phát triển cụm ngành ở các vùng. Ví dụ phát triển CNCN điện tử ở khu vực các tỉnh miền Bắc cần dựa vào các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Phòng, Hà Nội, với các DN điện tử chủ chốt như Samsung, LG, Foxconn, ... Thủ đô Hà Nội tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm R&D là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển cụm ngành. Nội dung Chương trình cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về xúc tiến thu hút đầu tư; thông tin, tuyên truyền, tăng cường nâng cao năng lực và thiết lập các mối liên kết giữa các DN chủ đạo với các nhà cung cấp, trường đại học, viện nghiên cứu.

Thứ tư, tăng cường mối hợp tác, liên kết giữa hệ thống DN FDI và DN nội địa bằng các chương trình, hoạt động cụ thể trong dài hạn. Việc thiết lập và đẩy mạnh các mối liên kết phải được các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương (vùng, tỉnh, thành phố) điều phối và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện.

Thứ năm, tiếp tục ưu tiên phát triển CNHT. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 115/NQ-CP, ngày 6/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, ngày 3/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Để tạo nền tảng phát triển của các CNCN, cần quan tâm, có chính sách ưu tiên xây dựng các ngành CNHT phù hợp với nhu cầu của các CNCN. Theo đó, cần xây dựng chiến lược phát triển tổng thể ngành CNHT, với các lĩnh vực ưu tiên và phân bố không gian phát triển hợp lý để định hướng thu hút đầu tư./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công nghiệp, 2015, Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp nội địa với các tập đoàn đa quốc gia nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trong ngành điện tử Việt Nam.
2. Truong Thi Chi Binh, 2024, Enhancing the Vietnam - Korea industrial linkages in electronics industry, Workshop of Enhancement of industry and trade cooperation between Vietnam and South Korea, Vietnam Institute of strategy and policy for Industry and Trade.
3. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê hàng năm.
4. Hiệp hội công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, www.vasi.org.vn
5. Tổng cục Thống kê Việt Nam, www.gso.gov.vn